

PHỤ LỤC 2
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
Về hoạt động tư vấn sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả
cho các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động tư vấn sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả cho các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng xây dựng định mức

- Phương pháp thống kê: đây là phương pháp xây dựng mức dựa vào các tài liệu thu thập về hao phí thời gian thực tế để hoàn thành công việc theo từng thời điểm, công đoạn khác nhau. Thời gian quy định trong mức thường lấy bằng giá trị trung bình.

- Phương pháp phân tích: đây là phương pháp xây dựng mức bằng cách phân chia và nghiên cứu tỉ mỉ quá trình thực hiện, phân tích của từng bước công việc được định mức và tính toán đến các nhân tố ảnh hưởng đến quy trình thực hiện.

- Phương pháp phân tích khảo sát: đây là phương pháp xây dựng mức dựa vào các tài liệu thu thập được trong khảo sát hoặc qua phiếu điều tra

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Định mức này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư vấn sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả cho các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

- Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Nghị định 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2011 Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Thông tư số 39/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2011 Quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ Quản lý năng lượng và Kiểm toán viên năng lượng;

- Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29 tháng 09 năm 2020 của Bộ Công thương quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng;

- Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Thông tư số 47/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai,

Điều 5. Giải thích từ ngữ và khái niệm sử dụng trong định mức

Năng lượng bao gồm nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng thu được trực tiếp hoặc thông qua chế biến từ các nguồn tài nguyên năng lượng không tái tạo và tái tạo

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là việc áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm tổn thất, giảm mức tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị mà vẫn bảo đảm nhu cầu, mục tiêu đặt ra đối với quá trình sản xuất và đời sống

Kiểm toán năng lượng là hoạt động đo lường, phân tích, tính toán, đánh giá để xác định mức tiêu thụ năng lượng, tiềm năng tiết kiệm năng lượng và đề xuất giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với cơ sở sử dụng năng lượng

Kiểm toán viên năng lượng là người thực hiện kiểm toán năng lượng, có chứng chỉ hành nghề do Bộ Công Thương cấp cho người đạt kết quả trong kỳ thi cấp chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng

Sản phẩm tiết kiệm năng lượng là phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, vật liệu có tính cách nhiệt tốt phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định

Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động tư vấn sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả cho các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là định mức KT-KT) được áp dụng thực bao gồm các công tác khảo sát, thu thập số liệu; đo đạc thực tế tại hiện trường, phân tích, tổng hợp số liệu; đề xuất, phân tích kinh tế kỹ thuật các phương án tiết kiệm; lập báo cáo kiểm toán năng lượng.

Định mức lao động là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên vật liệu cần thiết để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Định mức máy móc, thiết bị là thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 6. Quy trình cung cấp dịch vụ tư vấn sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả cho các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước

Thu thập số liệu sử dụng năng lượng quá khứ.

Phân tích, đánh giá việc sử dụng năng lượng quá khứ.

Khảo sát thực tế, xác định các điểm đo, lên kế hoạch đo đạc thực tế.

Thực hiện đo đạc thực tế.

Phân tích, đánh giá số liệu đo đạc.

Xác định các tiềm năng TKNL, đề xuất các phương án SDNLTK&HQ.

Tổng hợp, lập báo cáo KTNL.

Điều 7. Quy định các chữ viết tắt trong định mức kinh tế - kỹ thuật

TT	Chữ viết tắt	Thay cho	Ghi chú
1	TKNL	Tiết kiệm năng lượng	
2	KTNL	Kiểm toán năng lượng	
3	SDNLTK&HQ	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	

4	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam	
5	QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam	

Điều 8. Hướng dẫn tổ chức thực hiện

- Định mức kinh tế - kỹ thuật này không bao gồm công tác di chuyển nhân công, thiết bị, vật tư, phương tiện để tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ. Chi phí cho việc di chuyển nhân công, thiết bị, vật tư, phương tiện để tổ chức hoạt động các dịch vụ được tính theo từng địa bàn công tác cụ thể.

- Định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng được áp dụng theo quy định hiện hành.

- Trường hợp các văn bản pháp luật quy định được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

- Trong quá trình áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, điều chỉnh kịp thời.

Phần II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. Thu thập số liệu sử dụng năng lượng quá khứ

1. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kiểm toán viên năng lượng	3	là người tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực năng lượng hoặc ngành kỹ thuật liên quan, hệ số lương tối thiểu 2,67

2. Định mức thiết bị

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị, công cụ dụng cụ (giờ)
-----------	---------------------	---------------------------------	---

(1)	(2)	(3)	(4)
1	-	-	-

3. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xăng	lít	A95	0,2lit/km	0	0,2lit/km
2	Giấy A4	Tờ	70gsm	20	0	20
3	Bút bi	cây	0,7mm	0,2	0	0,2

II. Phân tích, đánh giá việc sử dụng năng lượng quá khứ

1. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kiểm toán viên năng lượng	3	
2	-	-	-

2. Định mức thiết bị

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị, công cụ dụng cụ (giờ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	-	-	-

3. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Điện	kWh	-	8	0	8

III. Khảo sát thực tế, xác định các điểm đo, lên kế hoạch đo đạc thực tế

1. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kiểm toán viên năng lượng	3	
1	-	-	-

2. Định mức thiết bị

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị, công cụ dụng cụ (giờ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	-	-	-

3. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xăng	lít	A95	0,2lit/km	0	0,2lit/km
2	Giấy A4	Tờ	70gsm	10	0	10
3	Bút bi	cây	0,7mm	0,2	0	0,2
4	Điện	kWh	-	8	0	8

IV. Thực hiện đo đạc thực tế

1. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kiểm toán viên năng lượng	- Đo điện năng: 03 công/mẫu đo - Đo độ sáng: 0,00625 công/mẫu đo - Đo nhiệt độ, độ ẩm: 0,00625	Phụ thuộc vào thời gian sử dụng thực tế của thiết bị và số lượng vị trí cần

		công/mẫu đo - Đo bức xạ: 0,03125 công/mẫu đo	đo
--	--	---	----

2. Định mức thiết bị

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị, công cụ dụng cụ (giờ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thiết bị đo điện năng	Hioki PQ3100	24 giờ/mẫu đo
2	Thiết bị đo độ sáng	Testo 545	0,05 giờ/vị trí
3	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm	Testo 435-2	0,05 giờ/vị trí
4	Thiết bị đo bức xạ	Solar Survey 200R	0,25 giờ/mẫu đo

3. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xăng	lít	A95	0,2lit/km	0	0,2lit/km
2	Giấy A4	Tờ	70gsm	40	0	40
3	Bút bi	cây	0,7mm	0,1	0	0,1
4	Điện	kWh	-	0	0	0

V. Phân tích, đánh giá số liệu đo đạc

1. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kiểm toán viên năng lượng	3	
2	-	-	-

2. Định mức thiết bị

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị, công cụ dụng cụ (giờ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	-	-	-

3. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Giấy A4	Tờ	70gsm	20	0	20
2	Bút bi	cây	0,7mm	0,1	0	0,1
3	Điện	kWh	-	8	0	8

VI. Xác định các tiềm năng TKNL, đề xuất các phương án SDNLTK&HQ

1. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kiểm toán viên năng lượng	5	

2. Định mức thiết bị

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị, công cụ dụng cụ (giờ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	-	-	-

3. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%)	Tiêu hao

			thuật		thu hồi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Giấy A4	Tờ	70gsm	40	0	40
2	Bút bi	cây	0,7mm	0,5	0	0,5
3	Điện	kWh	-	40	0	40

VII. Tổng hợp, lập báo cáo KTNL

1. Định mức lao động

TT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Kiểm toán viên năng lượng	5	

2. Định mức thiết bị

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị, công cụ dụng cụ (giờ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	-	-	-

3. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư		
				Sử dụng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Giấy A4	Tờ	70gsm	300	0	300
2	Bút bi	cây	0,7mm	0,5	0	0,5
3	Điện	kWh	-	40	0	40
4	Mực in máy in laser	Hộp	-	0,15	0	0,15